

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo
triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Bộ Chính trị về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, VP.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số **2559** /QĐ-BGDĐT*
*ngày **06** tháng **8** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Đại hội XIII), Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình hành động với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của ngành Giáo dục để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 50) bảo đảm đúng với quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII, phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới.

2. Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục các cấp, các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo đề ra tại Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết 50.

3. Các sở giáo dục và đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 50, trong đó chú trọng các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành Giáo dục.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên trong ngành Giáo dục

a) Tăng cường xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong ngành Giáo dục. Nâng cao vai trò của tổ chức đảng trong lãnh đạo công tác tổ chức và xây dựng bộ máy, nhất là đối với các cơ sở giáo dục đại học khi thực hiện tự chủ đại học.

b) Xây dựng đội ngũ đảng viên trong ngành Giáo dục có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và tính chuyên nghiệp cao; nâng cao vai trò,

trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; có cơ chế khuyến khích, tạo động lực để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao; tạo cơ hội, môi trường để đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

c) Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong đội ngũ nhà giáo, học sinh, sinh viên, góp phần xây dựng và củng cố lực lượng tiên phong, xung kích trong hoạt động dạy và học.

2. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tạo động lực cho đổi mới và phát triển

a) Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát và hoàn thiện các quy định về chức năng quản lý nhà nước quy định trong Luật Giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; nâng cao hiệu quả công tác xây dựng thể chế, cơ chế chính sách về giáo dục và đào tạo, bảo đảm chất lượng, đồng bộ, khả thi, hiện đại và hội nhập quốc tế.

b) Đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục; đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp và cơ chế quản trị giáo dục của các nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục; cải tiến quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khuyến khích đổi mới sáng tạo gắn với thực tiễn.

c) Xây dựng, thực hiện một số cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung các chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài; đào tạo nhân lực chất lượng cao; tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan để hoàn thiện thể chế và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định về quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; bảo đảm đủ và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thí điểm cơ chế tự chủ đối với giáo dục phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thúc đẩy chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

3. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Hướng dẫn việc rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên, bảo đảm điều kiện để thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tập trung ưu tiên cho giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và giáo dục ở vùng khó khăn. Phát triển hệ thống trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các loại

hình khác để thúc đẩy học tập suốt đời. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục, đặc biệt là cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

b) Xây dựng Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học, Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia; trong đó chú trọng phát triển các cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên và các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực, quốc tế và theo định hướng nghiên cứu; phát triển các ngành khoa học mũi nhọn thuộc các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, các lĩnh vực khoa học cơ bản, nền tảng nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm nhu cầu nhân lực trước mắt cũng như cho yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

c) Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện bảo đảm tiếp cận dịch vụ giáo dục bình đẳng, có chất lượng và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương pháp dạy và học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài

a) Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên; thực hiện đa dạng hoá phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số; đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, đẩy mạnh dạy và học trực tuyến, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

b) Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục mầm non mới, phù hợp với điều kiện thực tiễn; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển theo độ tuổi của trẻ; nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, hình thành ở trẻ hiểu biết về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt; đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng. Từng bước triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; có cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp lý để nâng tỷ lệ trẻ dưới 36 tháng tuổi được học ở nhà trẻ và các nhóm, lớp độc lập tư thục.

c) Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm chất lượng và hiệu quả; đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú; phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân; hình thành những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ; tiếp tục thực hiện tốt

giáo dục bắt buộc đối với tiểu học và từng bước thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc đối với trung học cơ sở theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Đảng.

d) Đa dạng hóa các chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người dân, nâng cao chất lượng các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời trong cả nước; đổi mới, đa dạng hóa hình thức hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

đ) Đổi mới nội dung hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động; thực hiện cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm giáo dục thường xuyên; chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế.

e) Tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của hệ thống giáo dục đại học; chú trọng các giải pháp xây dựng cơ chế, chính sách tạo nguồn lực, động lực và môi trường cạnh tranh lành mạnh phát triển giáo dục đại học; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; đầu tư cơ sở vật chất; đổi mới phương thức quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo.

g) Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo; đổi mới đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực khảo thí ngoại ngữ của quốc gia.

h) Triển khai có hiệu quả các biện pháp về phòng, chống dịch Covid-19; chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và đào tạo chủ động xây dựng kế hoạch, kịch bản, giải pháp ứng phó với tình huống dịch Covid-19 còn ảnh hưởng lâu dài, bảo đảm an toàn trường học. Xây dựng, triển khai đề án sức khỏe học đường và đề án đổi mới y tế trường học ở cấp học mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học; tăng cường giáo dục dinh dưỡng hợp lý, kết hợp vận động thể lực phù hợp để nâng cao tầm vóc cho học sinh, chú trọng chất lượng bữa ăn bán trú và công tác an toàn thực phẩm trong trường học; bảo đảm điều kiện vệ sinh trường học, nước sạch, vệ sinh môi trường và bảo đảm tiêu chí trường học an toàn, thân thiện.

i) Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, ý thức công dân và khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên; chú trọng phát triển năng lực sáng tạo và các giá trị về tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; góp phần xây dựng con người Việt Nam có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình và xã hội, trở thành những công

dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

a) Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới mô hình, phương thức đào tạo giáo viên, từ khâu tuyển sinh đến nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo giáo viên theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, gắn liền việc đào tạo trong các trường sư phạm với hoạt động thực tiễn tại các trường học; thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; cơ cấu lại hệ thống cơ sở giáo dục để sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có; đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng giáo viên theo hướng linh hoạt để các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được bố trí đủ định mức giáo viên theo quy định. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên các cơ sở giáo dục đại học; phát triển, thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ tiến sĩ để làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học, tăng cường đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là chuyên gia đầu ngành, các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học.

c) Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Đổi mới căn bản nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ theo hướng đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng, trong đó tăng cường năng lực tự bồi dưỡng và bồi dưỡng trực tuyến.

d) Đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chế độ chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương cho nhà giáo theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/CP ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó lương nhà giáo sẽ được trả theo vị trí việc làm, tương xứng với mức độ phức tạp của công việc và đặc thù nghề nghiệp, bảo đảm thu nhập phù hợp cho nhà giáo để nhà giáo yên tâm công tác và cống hiến, đồng thời thu hút được người giỏi vào ngành Giáo dục.

6. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025, bảo đảm

cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình giáo dục mầm non; xây dựng và tích hợp các chương trình mục tiêu quốc gia để tăng cường cơ sở vật chất cho các trường mầm non, phổ thông; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, trong đó ưu tiên cấp học mầm non và tiểu học, phát triển giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

b) Tăng cường đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học, nhất là các trường đại học sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học đi đầu trong đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; ưu tiên đầu tư phát triển các phòng thí nghiệm gắn với nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

c) Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ tăng trần chi ngân sách cho giáo dục và đổi mới cơ cấu chi ngân sách cho các cấp học, theo hướng tăng tỉ trọng chi cho giáo dục đại học. Tăng cường phân cấp, ủy quyền và giao quyền tự chủ về đầu tư cho các cơ sở giáo dục đại học.

d) Huy động và thu hút các nguồn lực từ trong và ngoài nước để tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Vận động, thu hút nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ của các nhà tài trợ nước ngoài cho giáo dục và đào tạo; phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng nghiên cứu; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ cho giáo dục.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

a) Tăng cường chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục; triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục toàn ngành, đồng bộ, kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả.

b) Triển khai các nền tảng chuyển đổi số phục vụ dạy, học, kiểm tra trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; triển khai đào tạo trực tuyến, tăng thời lượng các hoạt động trực tuyến, phát huy khả năng tự học, nghiên cứu độc lập của người học trong các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm. Thúc đẩy phát triển các mô hình lớp học thông minh, trường học thông minh và nghiên cứu, xây dựng mô hình các trường đại học số.

c) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến

cho các môn học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

d) Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số đối với người học, người dạy, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm công tác quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường mạng; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngành Giáo dục.

8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học

a) Xây dựng cơ chế chính sách để phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học, trong đó tập trung xây dựng một số mô hình mới đột phá, dẫn dắt hoạt động khoa học và công nghệ như nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khởi nguồn dựa trên tài sản trí tuệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

b) Xây dựng các chương trình nghiên cứu liên ngành, tập hợp các chuyên gia trong một số cơ sở giáo dục đại học để giải quyết các vấn đề trọng tâm của ngành với sản phẩm đầu ra là công bố quốc tế, đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp, thương mại hóa hoặc chuyển giao công nghệ, gắn với đào tạo tiến sĩ. Xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu về khoa học giáo dục để có cơ sở lý luận phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách, đổi mới phát triển giáo dục và đào tạo.

c) Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong nghiên cứu, phát triển công nghệ; hợp tác phát triển công nghệ mới cho doanh nghiệp thông qua các mô hình hợp tác nghiên cứu giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp.

d) Đầu tư trọng điểm cho một số lĩnh vực nghiên cứu mạnh, một số cơ sở giáo dục đại học có thứ hạng cao trong khu vực và thế giới, một số cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về các lĩnh vực ưu tiên nghiên cứu của đất nước.

9. Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

a) Tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; đẩy mạnh hợp tác với các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới.

b) Tăng cường hợp tác và đầu tư với nước ngoài, có chính sách khuyến khích hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học từ các quốc gia phát triển hàng đầu; mở trường đại học hoặc phân hiệu của các cơ sở giáo dục đại học có uy tín của nước ngoài tại Việt Nam; ưu tiên phát triển các trường đại học xuất sắc, chất lượng quốc tế.

c) Xây dựng các chương trình giáo dục nước ngoài chất lượng cao thông qua hình thức hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và các đối tác có uy tín của nước ngoài; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được

công nhận hoạt động ở Việt Nam; đẩy mạnh việc công nhận tín chỉ, quá trình đào tạo và văn bằng giữa Việt Nam và các nước.

d) Khuyến khích hợp tác giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và nước ngoài để tăng cường kí kết hợp tác về trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên, chia sẻ kinh nghiệm quản lý và hợp tác nghiên cứu khoa học; có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam.

đ) Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế; thu hút nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

e) Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế đối với giáo dục phổ thông (PASEC, PISA...) và các bảng xếp hạng trường đại học có uy tín quốc tế (THE, QS...).

10. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho các đối tượng

a) Ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhằm bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển hải đảo, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục cho người học; chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người học thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người, người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

c) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, trong đó ưu tiên củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học. Chú trọng xây dựng các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; quan tâm xóa mù chữ và giáo dục sau biết chữ đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số, miền núi, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái người dân tộc thiểu số; phát triển giáo dục cho học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; đẩy mạnh phát triển trường, lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư.

d) Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật và quy định khác của pháp luật có liên quan một cách phù hợp và có chất lượng; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và đầu tư

cơ sở vật chất để các nhóm người học này được thực hiện đầy đủ quyền học tập của mình theo luật định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; các sở giáo dục và đào tạo; các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng sư phạm quán triệt và tăng cường công tác truyền thông các nội dung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII, Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện của từng địa phương, đơn vị, trong đó cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hằng năm, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể; định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

2. Kinh phí tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo được dự toán từ các nguồn: Ngân sách Nhà nước cho giáo dục hằng năm, ngân sách từ các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách từ các đề án, dự án có liên quan, từ nguồn thu của các cơ sở đào tạo, từ nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

3. Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch của các đơn vị, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết, bảo đảm Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện hiệu quả và đồng bộ; tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện hằng năm.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế (diễn biến của dịch Covid-19, thiên tai và các tác động khách quan khác), thủ trưởng các đơn vị báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc bổ sung hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC

Danh mục các nhiệm vụ cụ thể triển khai thực hiện Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai
Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Danh mục các nhiệm vụ cụ thể được giao

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Căn cứ
1	Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ KHTC/ Viện KHGDVN	2021	Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH/ Viện KHGDVN	2021	- Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, - Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021.
3	Đề án quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTH/ Viện KHGDVN	2023	Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021
4	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN	2022	Chiến lược Phát triển KTXH 2021-2030 (Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII)
5	Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó	Quyết định	Thủ tướng	Vụ GDMN	2022	- Nghị quyết số 88/2019/QH14

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Căn cứ
			Chính phủ			ngày 18/11/2019 của Quốc hội, - Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ, - Khoản 2 Điều 17 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14.
6	Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTrH	2022	- Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030 (Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ XIII), - Luật Giáo dục 2019.
7	Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTX	2021	- Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, - Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021.
8	Đề án xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH	2021	Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021
9	Đề án phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục QLCL	2021	- Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, - Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021.
10	Đề án đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng an ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ QPAN	2021	Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2021

STT	Tên nhiệm vụ	Hình thức văn bản	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Căn cứ
11	Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Cục CNTT	2021	Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2021
12	Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐT CTHSSV	2021	- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019, - Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2019.
13	Đề án sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTC	2021	Công văn số 05/VPCP-KGVX ngày 04/01/2021
14	Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH	2022	Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021
15	Đề án phát triển hệ thống trường chuyên giai đoạn 2022 - 2030	Quyết định	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTrH	2022	Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021

II. Danh mục các đề án tiếp tục triển khai

STT	Tên đề án	Số hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì
1	Đề án đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	Quyết định số 404/QĐ-TTg	27/3/2015	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTrH
2	Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030	Quyết định số 89/QĐ-TTg	18/01/2019	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH

STT	Tên đề án	Số hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Thẩm quyền ban hành	Đơn vị chủ trì
3	Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025	Quyết định số 1677/QĐ-TTg	03/12/2018	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN
4	Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025	Quyết định số 732/QĐ-TTg	29/4/2016	Thủ tướng Chính phủ	Cục NGCB
5	Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025	Quyết định số 33/QĐ-TTg	08/11/2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục NGCB
6	Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025	Quyết định số 2080/QĐ-TTg	22/11/2017	Thủ tướng Chính phủ	BQL ĐANNQG
7	Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017 - 2025	Quyết định số 1436/QĐ-TTg	29/10/2018	Thủ tướng Chính phủ	Cục CSVC
8	Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025.	Quyết định số 522/QĐ-TTg	14/5/2018	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDTrH
9	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025	Quyết định số 69/QĐ-TTg	15/01/2019	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDĐH
10	Đề án tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2025	Quyết định số 1008/QĐ-TTg	02/6/2016	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDMN
11	Đề án xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025	Quyết định số 1299/QĐ-TTg	03/10/2018	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDCT CTHSSV
12	Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025	Quyết định số 1665/QĐ-TTg	30/10/2017	Thủ tướng Chính phủ	Vụ GDCT CTHSSV